TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA A
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NG VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 12/2020/HS-ST
Ngày: 27-5-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NG VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA A - CAO BẰNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Kim Chi

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ng Thị Út
2. Ông Hoàng Văn Thức

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Tân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa A, Cao Bằng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa A, Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa A, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 15/2020/TLST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Nông Văn Th; sinh ngày 07 tháng 02 năm 1995 tại xóm Nà L, xã Trọng C, huyện Thạch A, tỉnh Cao Bằng; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm Nà L, xã Trọng C, huyện Thạch A, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nông Văn Sơn và bà Hoàng Thị Xuân; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/02/2020 cho đến nay, có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo: Ông Bế Văn Bắc - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng, có mặt.

- Bị hại:

1. Ông Đặng Văn T, sinh năm 1983.
2. Ông Ng Văn B, sinh năm 1964.
3. Bà Ma Thị Ư, sinh năm 1962.
4. Ông Đặng Văn Ssinh năm 1970.
5. Ông Nông Văn Th, sinh năm 1977.
6. Ông Triệu Vinh Q, sinh năm 2001.

7. Ông Ng Văn C, sinh năm 1983.
8. Bà Ma Thị B, sinh năm 1982.
9. Bà Ma Ng D, sinh năm 1991.
10. Ông Ma Văn Ng, sinh năm 1972.
11. Ông Nông Văn Kh, sinh năm 1969.
12. Ông Ng Văn D, sinh năm 1981.
13. Ông Đàm Văn X, sinh năm 1988.
14. Ông Ma Văn T, sinh năm 1984.
Cùng địa chỉ: Bản H, Dân Ch, Hòa A, Cao Bằng.
15. Ông Lãnh Thế Ng, sinh năm 2001.
Địa chỉ: Mỏ S, Dân Ch, Hòa A, Cao Bằng.

- Nguyên đơn dân sự: Công ty trách nhiệm hữu hạn Mạnh Quân - Người đại diện theo pháp luật: Ông Ng Minh T – Chức vụ giám đốc. Địa chỉ: Tổ 19, phường Hợp Gi, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Có mặt nguyên đơn dân sự, các bị hại B, Ng, X, Th còn lại vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 20/10/2019, Nông Văn Th có ký hợp đồng về việc nhận khoán gọn thi công công trình mương thủy lợi tại xóm Bản H, xã Dân Ch, huyện Hòa A, tỉnh Cao Bằng với ông Ng Minh T, giám đốc công ty trách nhiệm hữu hạn (viết tắt: Công ty TNHH) xây dựng Mạnh Quân với giá trị hợp đồng là 120.000.000đ. Theo hợp đồng này thì Bên B (Nông Văn Th) có trách nhiệm thi công theo đúng kỹ thuật và hoàn thành công trình vào ngày 31/12/2019, ông T cũng đã tạm ứng chuyển cho Th 04 lần với tổng số tiền là 62.000.000đ để phục vụ việc thi công. Th cũng đã thuê một nhóm công nhân gồm 16 người và bắt đầu làm việc tại công trình ở Bản H, Dân Ch, Hòa A, Cao Bằng từ ngày 23/10/2019 (Hợp đồng bằng miệng), mức tiền công theo thỏa thuận của các công nhân này là 250.000đ/1người/1ngày công, đồng thời mua một số phương tiện, thiết bị phục vụ việc thi công, khoan nổ mìn. Đến ngày 25/11/2019, sau khi tính toán lại các khoản tiền thấy việc khoán hợp đồng bị lỗ, không có lãi, bản Thân bị cáo đã tiêu hết số tiền đã tạm ứng, không còn khả năng chi trả tiền công cho công nhân, số tiền là 59.000.000đ (tương ứng 273 ngày công), nên Th bỏ công trình và đi khỏi địa phương, cắt liên lạc với cả nhóm công nhân do mình thuê và phía công ty Mạnh Quân của ông Ng Minh T (Bên A) mà không có hứa hẹn gì đến việc trả tiền công thợ. Cụ thể Nông Văn Th còn nợ tiền công công nhân như sau:

- Nợ ông Đặng Văn T: 22.5 công = 5.625.000đ
- Nợ ông Ng Văn B: 26 công = 6.500.000đ
- Nợ bà Ma Thị Ư: 14,5 công = 3.625.000đ
- Nợ ông Đặng Văn S: 01 công = 250.000đ
- Nợ ông Nông Văn Th: 1,5 công = 375.000đ
- Nợ ông Triệu Vinh Q: 22.5 công = 5.625.000đ
- Nợ ông Ng Văn C: 11 công = 2.750.000đ

- Nợ bà Ma Thị B: 15 công = 3.750.000đ
- Nợ bà Ma Ng D: 21 công = 5.250.000đ
- Nợ ông Ma Văn Ng: 11,5 công = 2.875.000đ
- Nợ ông Nông Văn Kh: 10 công = 2.500.000đ
- Nợ ông Ng Văn D: 20 công = 5.000.000đ
- Nợ ông Đàm Văn X: 25 công = 6.250.000đ
- Nợ ông Ma Văn T: 23.5 công = 5.875.000đ
- Nợ ông Lãnh Thế Ng: 7,5 công = 1.875.000đ

Tại bản cáo trạng số 16/CT-VKSHA ngày 05/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa A, Cao Bằng đã truy tố bị cáo Nông Văn Th phạm tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo Khoản 2 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Nông Văn Th đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như trong hồ sơ thể hiện và nhất trí với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa A, Cao Bằng đã truy tố.

- Các bị hại xác nhận: Từ ngày 25/11/2019 không thấy Nông Văn Th đến công trình và cũng không biết Nông Văn Th đi đâu, khi liên lạc thì đều bị thuê bao hoặc tắt máy không liên lạc được. Trước khi Nông Văn Th vắng mặt thì có được nói với Th đến ngày 30/11 thanh toán trước tiền công cho anh em để chi tiêu nhu cầu cuộc sống gia đình, Th có nói về tạm ứng tiền với công ty sau đó sẽ thanh toán sau nhưng sau đó không thấy Th đến trả cũng không liên lạc được. Về tiền công hiện đã được phía Công ty TNHH Mạnh Quân thanh toán đầy đủ, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Nguyên đơn dân sự Công ty TNHH Mạnh Quân xác nhận: Ngày 20/10/2019 có được ký kết hợp đồng khoán gọn công trình với Nông Văn Th, quá trình thực hiện hợp đồng đã tạm ứng trước cho Nông Văn Th số tiền là 62.000.000đ và được thỏa thuận ngoài với Th về việc mua cho Th 01 điện thoại di động để phục vụ liên lạc trong quá trình thi công, do điện thoại cũ của Th bị hỏng, và có thỏa thuận số tiền mua điện thoại được trừ vào tiền nhân công. Tổng cộng số tiền đã tạm ứng cho Th là 68.000.000đ, ngày 25/11/2019 khi đi kiểm tra công trình mới biết Th chưa thanh toán tiền công cho công nhân và đang vắng mặt tại công trình, gọi điện liên lạc Nông Văn Th có trả lời một hai lần sau đó tắt máy không liên lạc được. Hành vi bỏ trốn khỏi công trình của Nông Văn Th đã gây thiệt hại đến Công ty, nay đề nghị Nông Văn Th phải trả lại số tiền Nông Văn Th đã chiếm đoạt sau khi đã trừ đi các chi phí hợp lý gồm tiền tạm ứng công nhân, tiền mua vật tư trang thiết bị để phục vụ cho công trình, số tiền cụ thể là: 38.535.000đ, đồng thời đề nghị Tòa án xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát luận tội đề nghị kết tội bị cáo tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự, do trong quá trình xét hỏi làm rõ được tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt là 48.035.000đ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nông Văn Th từ 18 – 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo với nguyên đơn dân sự là bị cáo sẽ trả số tiền 38.535.000đ vào dịp cuối năm 2020.

Về án phí: Căn cứ Điều 135 Của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc bị cáo Th phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Trợ giúp viên pháp lý trình bày bản luận cứ bào chữa cho bị cáo: Về hành vi bị cáo đã thực hiện và bị Viện kiểm sát truy tố về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo Th là người dân tộc, học chưa hết phổ thông, trình độ hiểu biết thấp và kinh nghiệm trong nhận định hạch toán để thi công công trình còn non kém, dẫn đến hạch toán thầu công trình bị thua lỗ. Bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, giá trị tài sản bị chiếm đoạt không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra truy tố xét xử đã khắc phục một phần thiệt hại cho công ty, phía Nguyên đơn dân sự đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, nên đề nghị HĐXX áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo Nông Văn Th ở mức thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Tại phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến gì tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên về tội danh và hình phạt. Khi được nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Hòa A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, nguyên đơn dân sự không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản mà bị cáo đã thực hiện, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua đó đã chứng minh được: Ngày 20/10/2019 bị cáo Nông Văn Th nhận hợp đồng khoán gọn thi công mương thủy lợi tại xóm Bán H, xã Dân Ch, huyện Hòa A, tỉnh Cao Bằng với Công ty TNHH Mạnh Quân do ông Nguyễn Minh T làm giám đốc. Sau khi ký hợp đồng, được ông T ứng trước 62.000.000đ và 01 điện thoại dùng để liên lạc trị giá 6.000.000đ để trả tiền thuê công nhân và mua

thiết bị để phục vụ việc thi công nhưng Nông Văn Th lại sử dụng số tiền này vào mục đích cá nhân dẫn đến mất khả năng thanh toán, sau đó bỏ trốn khỏi công trình, cắt liên lạc với số công nhân mình đã thuê cũng như với Công ty Mạnh Quân để trốn tránh việc trả nợ. Tính đến khi bỏ trốn, số tiền mà Nông Văn Th còn nợ lương công nhân là 48.035.000đ. Hành vi bỏ trốn không thanh toán, hứa hẹn trả nợ tiền công của Nông Văn Th đã cấu thành tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

"***Điều 175. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản***

1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại hoặc tài sản có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả"

Như vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của người khác là phạm pháp, nhưng bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trật tự xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn, với giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt là 48.035.000đ (Bốn mươi tám triệu không trăm ba mươi năm nghìn đồng). Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra bị cáo đều khai báo thành khẩn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và truy tố đã khắc phục được một phần thiệt hại cho công ty, đại diện công ty đề nghị HĐXX giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Sau khi xem xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo Nông Văn Th là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm

hình sự và nhận thức được hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của người khác là phạm pháp, nhưng bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trật tự xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn, tuy nhiên bị cáo thuộc trường hợp có nhân Thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú ổn định rõ ràng, chấp hành tốt nội quy, quy chế, lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, đã khắc phục được một phần thiệt hại. Do đó, xét thấy chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình tiếp tục giám sát giáo dục bị cáo chấp hành án tại địa phương, khi lượng hình, HĐXX sẽ cân nhắc xem xét cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có công ăn việc làm, không có thu nhập, chưa có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo với nguyên đơn dân sự là bị cáo sẽ trả số tiền 38.535.000đ vào dịp cuối năm 2020.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[9] Về việc thay đổi khung hình phạt đối với bị cáo Th: Tại phiên tòa HĐXX đã làm rõ được số tiền bị cáo đã chiếm đoạt là 48.035.000đ, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự, nên đại diện Viện kiểm sát đã luận tội, thay đổi khung hình phạt từ điểm c khoản 2 Điều 175 xuống khoản 1 Điều 175 là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nông Văn Th.

Tuyên bố: Bị cáo Nông Văn Th phạm tội " Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản";

Xử phạt: Bị cáo Nông Văn Th 18 (Mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 27/5/2020.

Giao bị cáo Nông Văn Th cho Ủy ban nhân dân (UBND) xã Trọng C, Thạch A, Cao Bằng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Trọng C trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm Ng vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo với nguyên đơn dân sự là bị cáo sẽ trả số tiền 38.535.000đ vào dịp cuối năm 2020. Kể từ ngày tuyên án và Nguyên đơn dân sự có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chưa bồi thường xong khoản tiền trên thì hàng tháng bị cáo phải chịu lãi xuất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Về án phí: Áp dụng Điều 135 Của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử buộc bị cáo Nông Văn Th phải chịu nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, và 1.926.750đ tiền án phí dân sự có giá ngạch để sung Ngân sách Nhà nước.

Bị cáo, bị hại, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, ngày 27/5/2020.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Bị cáo; bị hại, nguyên đơn dân sự;
- VKSND huyện Hoà A;
- CCTHADS Hoà A;
- CA huyện Hoà A;
- TA, VKS, STP tỉnh;
- L- u hồ sơ vụ án.

Hoàng kim Chi